

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 65 + 66

Ngày 15 tháng 01 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

26-12-2023- Quyết định số 5940/QĐ-UBND về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (đợt 10).

2

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5940/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố
(đợt 10)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định hoặc có ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 6687/TTr-STP-VP ngày 24 tháng 11 năm 2023; Giám đốc Sở Du lịch tại Tờ trình số 2610/TTr-SDL ngày 28 tháng 11 năm 2023; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 15110/TTr-SKHĐT ngày 29 tháng 11 năm 2023 và Tờ trình số 15420/TTr-SKHĐT ngày 05 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt kèm theo Quyết định này 13 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, gồm:

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-boTTHC.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Du lịch, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5940/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	TÊN QUY TRÌNH NỘI BỘ
I. Sở Du lịch	
1	Công nhận khu du lịch cấp tỉnh
II. Sở Tư pháp	
2	Nhập quốc tịch Việt Nam
3	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước
4	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước
5	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại
6	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại
7	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại
8	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại
III. Sở Kế hoạch và Đầu tư	
9	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
10	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
11	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp

STT	TÊN QUY TRÌNH NỘI BỘ
	tỉnh
12	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất
13	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TRÌNH 1

Công nhận khu du lịch cấp tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5940/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh BM 04.	01	Bản chính
02	Bản thuyết minh về điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh.	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<p>Tổ chức, cá nhân lựa chọn thông qua một trong các cách thức sau:</p> <ol style="list-style-type: none">Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Bộ phận Một cửa) Sở Du lịch, địa chỉ: số 140 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố tại địa chỉ: https://dvcmc.hochiminhcity.gov.vn	40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa Sở Du lịch	Tổ chức	1/2 ngày làm việc	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa Sở Du lịch		BM 01 BM 02 BM 03	<p>Tiếp nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; Thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 <p>Tiếp nhận qua Dịch vụ Bưu chính viễn thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; Thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>BM 02. Thời gian xác định tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ hợp pháp, hợp lệ là tại thời điểm tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu tại BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. Thông tin cho tổ chức, cá nhân về việc từ chối hồ sơ.</p> <p>Tiếp nhận trực tuyến:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: tiếp nhận hồ sơ và lập Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả (BM 01), thông báo cho tổ chức thông qua tài khoản của tổ chức trên Hệ thống, các kênh thông tin tổ chức đăng ký.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: thông báo cho tổ chức thông qua tài khoản của tổ chức trên Hệ thống, các kênh thông tin tổ chức đăng ký và hướng dẫn tổ chức bổ sung một lần đầy đủ, chính xác, nêu rõ lý do theo Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (BM 02).</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: thông báo cho tổ chức thông qua tài khoản của tổ chức trên Hệ thống, các</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>kênh thông tin tổ chức đăng ký và nêu rõ lý do từ chối hồ sơ theo Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (BM 03).</p> <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn tám giờ làm việc kể từ khi Hệ thống xác nhận gửi thành công.</p> <p>Tiếp nhận và chuyển chuyên viên Phòng Quản lý Lữ hành.</p>
B2	Kiểm tra hồ sơ, soạn thảo giấy mời	Chuyên viên Phòng Quản lý Lữ hành Sở Du lịch	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Dự thảo văn bản	<p>Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>Chuyên viên chuyển trả ngay cho Bộ phận Một cửa nếu hồ sơ chuyển không đúng người thụ lý hồ sơ.</p> <p>Căn cứ quyết định thành lập đoàn thẩm định các khu du lịch cấp tỉnh, Chuyên viên soạn thảo Giấy mời gửi đến các cơ quan/ đơn vị là thành viên đoàn trình Lãnh đạo Phòng ký duyệt chuyên Lãnh đạo Văn phòng Sở ký ban hành.</p>
B3	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Quản lý Lữ hành Sở Du lịch	1/2 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Dự thảo giấy mời	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ trình, ký nháy chuyên Lãnh đạo Văn phòng Sở ký duyệt.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B4	Ký ban hành	Lãnh đạo Văn phòng Sở Du lịch	1/2 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Dự thảo giấy mời	Lãnh đạo Văn phòng kiểm tra thể thức, ký ban hành giấy mời.
B5	Phát hành Giấy mời	Văn thư Sở Du lịch	1/2 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Giấy mời	Văn thư cho số, vào sổ, đóng dấu, phát hành thư mời.
B6	Tiếp nhận văn bản góp ý	Văn thư Sở Du lịch	1/2 ngày làm việc	Văn bản góp ý của thành viên đoàn	Tiếp nhận và chuyển văn bản góp ý của các thành viên đoàn thẩm định đến chuyên viên Phòng Quản lý Lữ hành
B7	Xác nhận danh sách thành viên tham gia đoàn thẩm định, tổng hợp ý kiến	Chuyên viên Phòng Quản lý Lữ hành Sở Du lịch	05 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Dự thảo hồ sơ	Theo dõi, liên hệ, xác nhận Danh sách thành viên tham gia đoàn thẩm định (theo Giấy mời). Tổng hợp các ý kiến góp ý của các thành viên đoàn không tham dự thẩm định (nếu có) trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Lữ hành.
B8	Ký danh sách đoàn thẩm định	Lãnh đạo Phòng Quản lý Lữ hành Sở Du lịch	1/2 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Danh sách	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trình, ký Danh sách thành viên đoàn thẩm định và chuyển cho chuyên viên thông tin đến tổ chức đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh.
	Thông tin cho tổ chức đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh	Chuyên viên Phòng Quản lý Lữ hành Sở Du	1/2 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Danh sách	Căn cứ Danh sách thành viên đoàn thẩm định, chuyên viên thụ lý hồ sơ thông tin đến tổ chức đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh về thời gian và thành viên đoàn thẩm định.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B9	Thực hiện thẩm định tại thực địa	Lãnh đạo Phòng Quản lý Lữ hành Sở Du lịch và thành viên đoàn thẩm định	01 ngày làm việc	Hồ sơ thẩm định	<p>Lãnh đạo Phòng Quản lý Lữ hành tổ chức đoàn thẩm định thực tế tại khu du lịch đề nghị công nhận.</p> <p>Đoàn thẩm định tiến hành khảo sát, kiểm tra, có ý kiến đánh giá về các điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh theo quy định tại khu du lịch đề nghị công nhận.</p> <p>Thư ký đoàn lập biên bản thẩm định có chữ ký xác nhận của các thành viên tham gia đoàn và đại diện đơn vị đề nghị công nhận khu du lịch.</p>
B10	Tổng hợp hoàn thiện hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên Phòng Quản lý Lữ hành Sở Du lịch	13 ngày làm việc	Theo mục IBM 01 Dự thảo kết quả giải quyết Hồ sơ trình	<p>Trên cơ sở các ý kiến đánh giá, góp ý của đoàn thẩm định thực địa về các điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh tại khu du lịch đề nghị công nhận. Chuyên viên thụ lý hồ sơ thực hiện thống kê, tổng hợp hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh, kể cả các ý kiến góp ý của thành viên đoàn không tham dự thẩm định thực địa (nếu có) trình Lãnh đạo Phòng xem xét ký trình Lãnh đạo Sở phê duyệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập Bảng tổng hợp ý kiến đánh giá các điều kiện công nhận khu du lịch của các thành viên đoàn thẩm định. - Lập Báo cáo kết quả thẩm định điều kiện công nhận

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>khu du lịch cấp tỉnh. Kèm các hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản thẩm định khu du lịch cấp tỉnh. - Các văn bản góp ý kiến của thành viên đoàn thẩm định không tham gia thẩm định thực địa (nếu có). <p>Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh: Chuyên viên thụ lý hồ sơ thực hiện dự thảo các hồ sơ trình phê duyệt kết quả giải quyết TTHC, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tờ trình về kết quả thẩm định khu du lịch cấp tỉnh. + Văn bản của UBND Thành phố từ chối công nhận (nêu rõ lý do) <p>Trường hợp kết quả thẩm định đủ điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh: Chuyên viên thụ lý hồ sơ thực hiện dự thảo các hồ sơ trình phê duyệt kết quả giải quyết TTHC, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tờ trình về kết quả thẩm định khu du lịch cấp tỉnh. + Quyết định của UBND Thành phố công nhận khu du lịch cấp tỉnh.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B11	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Quản lý Lữ hành Sở Du lịch	03 ngày làm việc	Theo mục IBM 01 Hồ sơ trình	<p>Xem xét, kiểm tra hồ sơ của chuyên viên trình, ký, ký nháy các hồ sơ trình Lãnh đạo Sở phê duyệt gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bảng tổng hợp ý kiến đánh giá các điều kiện công nhận khu du lịch của các thành viên đoàn thẩm định. + Báo cáo kết quả thẩm định điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh. + Đối với trường hợp không đủ điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh: <ul style="list-style-type: none"> * Tờ trình về kết quả thẩm định khu du lịch cấp tỉnh. * Văn bản của UBND Thành phố từ chối công nhận (nêu rõ lý do) + Đối với trường hợp đủ điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh: <ul style="list-style-type: none"> * Tờ trình về kết quả thẩm định khu du lịch cấp tỉnh. * Quyết định của UBND Thành phố công nhận khu du lịch cấp tỉnh <p>Kèm các hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản thẩm định khu du lịch cấp tỉnh. - Các văn bản góp ý kiến của thành viên đoàn thẩm định không tham gia thẩm định thực địa (nếu có).

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B12	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Du lịch	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Hồ sơ trình	Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ ký duyệt hồ sơ.
B13	Phát hành	Văn thư Sở Du lịch	02 giờ làm việc	Tờ trình Hồ sơ trình	<p>Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản, trình UBND Thành phố. Tài liệu gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình về kết quả thẩm định khu du lịch cấp tỉnh. - Dự thảo Quyết định của UBND Thành phố công nhận khu du lịch cấp tỉnh hoặc Văn bản của UBND Thành phố từ chối công nhận. - Bảng Tổng hợp ý kiến đánh giá các điều kiện công nhận khu du lịch của các thành viên đoàn thẩm định. - Biên bản thẩm định khu du lịch cấp tỉnh của Đoàn thẩm định. - Báo cáo kết quả thẩm định điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh. - Văn bản góp ý kiến của thành viên đoàn thẩm định và ý kiến các đơn vị có liên quan (nếu có).
B14	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ	Chuyên viên Phòng HC-TC Văn phòng UBND Thành	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình kèm dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành	Kiểm tra thành phần hồ sơ, tài liệu liên quan. Tiếp nhận hoặc chuyển trả hồ sơ. Chuyển hồ sơ cho chuyên viên được phân công xử lý (gồm văn bản giấy và văn bản điện tử).

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
		phó		chính	
B15	Xem xét, thẩm định	Chuyên viên Văn phòng UBND Thành phố	05 ngày làm việc	Lập hồ sơ trình	Xem xét thẩm định hồ sơ, tài liệu liên quan: - Hồ sơ đạt yêu cầu: chuyên viên lập Tờ trình kèm dự thảo Quyết định, trình lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét, quyết định. - Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: chuyên viên lập Tờ trình kèm dự thảo Công văn chuyển trả hồ sơ cho Sở Du lịch, trình lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét, quyết định.
B16	Xem xét, trình hồ sơ lãnh đạo Văn phòng	Lãnh đạo Phòng chuyên môn Văn phòng UBND Thành phố	01 + 1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng chuyên môn Văn phòng UBND Thành phố xem xét hồ sơ và Tờ trình của chuyên viên Phòng chuyên môn, ký Tờ trình, trình lãnh đạo Văn phòng UBND Thành phố xem xét.
B17	Xem xét, ký ban hành hoặc trình ký	Lãnh đạo Văn phòng UBND Thành phố	01 + 1/2 ngày làm việc	Tờ trình, hồ sơ trình	Lãnh đạo Văn phòng UBND Thành phố xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan. - Hồ sơ đạt yêu cầu: ký Tờ trình, trình lãnh đạo UBND Thành phố, thực hiện tiếp Bước B18. - Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: ký văn bản chuyển trả hồ sơ cho Sở Du lịch, thực hiện tiếp Bước B19.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B18	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND Thành phố	02 ngày làm việc	Quyết định/văn bản, hồ sơ trình	Lãnh đạo UBND Thành phố xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký Quyết định công nhận/văn bản trả lời từ chối trong đó nêu rõ lý do không công nhận.
B19	Phát hành	Chuyên viên Phòng HC-TC Văn phòng UBND Thành phố	1/2 ngày làm việc	Văn bản trình và hồ sơ liên quan	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản (bản giấy và bản điện tử) và chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho Sở Du lịch.
B20	Tiếp nhận kết quả từ UBND Thành phố	Văn thư Sở Du lịch	02 giờ làm việc	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính	- Tiếp nhận văn bản đến, vào sổ, thực hiện sao lưu (nếu có). - Chuyển kết quả về Bộ phận một cửa và chuyên viên Phòng Quản lý Lữ hành.
B21	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Chuyên viên Phòng Quản lý Lữ hành	Giờ hành chính	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính	- Tiếp nhận kết quả từ Văn thư Sở lưu hồ sơ. - Trường hợp nhận văn bản chuyển trả, chuyên viên xử lý thực hiện tiếp Bước B10
		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi. - Chuyển trả Văn thư nếu có yêu cầu.

IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của

		Văn phòng Chính phủ
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ
4	BM 04	Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh (Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có)
4	BM 04	Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh
5	BM 05	Bản thuyết minh về điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh
6	BM 06	Quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh hoặc Văn bản từ chối công nhận khu du lịch cấp tỉnh.
7	//	Các hồ sơ khác theo quy định (nếu có)

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

- Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định hoặc có ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố./.

Mẫu số 02, Phụ lục II ban hành kèm Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... .., ngày tháng... .. năm... ..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN

KHU DU LỊCH CẤP TỈNH

Kính gửi: Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên cơ quan, tổ chức quản lý khu du lịch:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax:
- Email:
- Website (nếu có):

Căn cứ Luật Du lịch và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch, chúng tôi thấy(tên khu du lịch) đã đáp ứng đủ điều kiện để được công nhận là khu du lịch cấp tỉnh. Kính đề nghị Sở Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh công nhận khu du lịch cho...(tên khu du lịch)... là khu du lịch cấp tỉnh.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Chức vụ, quyền hạn)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY TRÌNH 2

Nhập quốc tịch Việt Nam

*(Ban hành kèm Quyết định số 5940/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (BM 04)	03	Bản chính
02	Bản khai lý lịch (BM 05)	03	Bản chính
03	Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế. Giấy tờ khác có giá trị thay thế Giấy khai sinh, Hộ chiếu đối với người không quốc tịch xin nhập quốc tịch Việt Nam là giấy tờ có thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, có dán ảnh của người đó và đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.	03	Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
04	Người xin nhập quốc tịch Việt Nam có con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia. Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân	03	Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu

	sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.		
05	Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
06	<p>Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt: bản sao văn bằng, chứng chỉ để chứng minh người đó đã học bằng tiếng Việt tại Việt Nam như bản sao bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ, bằng cử nhân hoặc bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (bao gồm bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hoặc trung cấp chuyên nghiệp); bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt thì Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra, phỏng vấn về khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt của người đó bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP. Thành phần tham gia phỏng vấn có đại diện của Sở Tư pháp và Sở Giáo dục đào tạo. Kết quả kiểm tra, phỏng vấn phải được lập thành văn bản. Những người trực tiếp kiểm tra, phỏng vấn chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, phỏng vấn và ý kiến đề xuất của mình.</p>	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
07	Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (Bản sao Thẻ thường trú)	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu

08	Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam (gồm một trong các giấy tờ sau: giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy tờ do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận về mức lương hoặc thu nhập; giấy tờ bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú về tình trạng nhà ở, công việc, thu nhập của người xin nhập quốc tịch Việt Nam).	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
09	<p>Những người được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì được miễn các giấy tờ tương ứng với điều kiện được miễn, nhưng phải nộp một số giấy tờ sau để chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam phải nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; + Nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam phải nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con; + Người có công lao đặc biệt đóng góp lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành; + Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được nhập quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói 	03	Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu

	trên của Việt Nam sau khi được nhập quốc tịch Việt Nam.		
10	<p>Người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam; + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam, và việc nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước ngoài bị ảnh hưởng; + Bản cam kết của người đó về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh (Bộ phận Một cửa), địa chỉ: số 141 - 143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.	80 ngày và 35 ngày làm việc	3.000.000 đồng/trường hợp * Miễn lệ phí đối với các trường hợp sau: - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam

		<p>dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).</p> <p>- Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.</p>
--	--	---

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

3.1. Từ khi tiếp nhận hồ sơ đến khi gửi hồ sơ ra Bộ Tư pháp

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I.
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					Tiếp nhận và chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B2	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Dự thảo công văn xác minh	Xem xét, kiểm tra hồ sơ, dự thảo công văn xác minh nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam.
B3	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 - Hồ sơ trình - Dự thảo công văn xác minh	Xem xét hồ sơ, ký nháy công văn xác minh.
B4	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 - Hồ sơ trình - Dự thảo công văn xác minh	Xem xét hồ sơ, ký duyệt công văn xác minh.
B5	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, gửi công văn xác minh cho Công an Thành phố.
B6	Thẩm tra, xác minh	Công an Thành phố	30 ngày	Kết quả xác minh	Tiến hành xác minh và có văn bản trả lời cho Sở Tư pháp.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B7	Tiếp nhận kết quả xác minh	Văn thư Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Văn bản trả lời xác minh	Tiếp nhận văn bản trả lời xác minh, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B8	Kiểm tra hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Dự thảo kết quả	Tiếp nhận kết quả xác minh, dự thảo tờ trình UBND Thành phố và dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp.
B9	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký nháy dự thảo tờ trình UBND Thành phố (kèm dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp).
B10	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt tờ trình UBND Thành phố (kèm dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp).
B11	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển cho chuyên viên làm công tác giao liên của phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B12	Chuyển hồ sơ	Chuyên viên làm công tác giao liên phòng Hộ tịch - Quốc tịch	02 giờ làm việc	Hồ sơ	Trực tiếp chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng HC-TC Văn phòng UBND Thành phố.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
		Sở Tư pháp			
B13	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển cho chuyên viên được phân công xử lý	Chuyên viên Phòng HC-TC Văn phòng UBND Thành phố	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ	<p>Tiếp nhận 02 bộ hồ sơ từ Sở Tư pháp, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thành phần hồ sơ theo mục 1. + Công văn trả lời xác minh của Công an Thành phố (01 bản chính, 01 bản photo). + Tờ trình của Sở Tư pháp (02 bản chính). + Dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp (01 bản chính, 01 bản photo). <p>Kiểm tra thành phần hồ sơ, chuyển hồ sơ cho chuyên viên được phân công xử lý.</p>
B14	Kiểm tra hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND Thành phố	03 ngày làm việc	Lập hồ sơ trình	Chuyên viên thụ lý hồ sơ kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng xem xét, ký tờ trình trình Lãnh đạo UBND Thành phố ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp.
B15	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên môn Văn phòng UBND Thành phố	1+1/2 ngày làm việc	Tờ trình, hồ sơ	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký tờ trình trình Lãnh đạo Văn phòng UBND Thành phố

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B16	Xem xét, ký văn bản hoặc trình ký	Lãnh đạo Văn phòng UBND Thành phố	02+1/2 ngày làm việc	Tờ trình, hồ sơ	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan: + Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Ký tờ trình trình Lãnh đạo UBND Thành phố, thực hiện tiếp bước B17 + Trường hợp hồ sơ cần thẩm tra, bổ sung: Ký văn bản chuyển trả hồ sơ cho Sở Tư pháp, thực hiện tiếp điểm a bước B18
B17	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND Thành phố	02 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Văn bản gửi Bộ Tư pháp	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp.
B18	Phát hành	Chuyên viên Phòng HC-TC Văn phòng UBND Thành phố	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản a) Trường hợp chuyển trả hồ sơ cho Sở Tư pháp: Thông báo cho chuyên viên Phòng Hộ tịch - Quốc tịch nhận lại hồ sơ và công văn chuyển trả (thực hiện tiếp B19) b) Đối với hồ sơ gửi Bộ Tư pháp: + Trường hợp không phải bổ sung hồ sơ, thực hiện tiếp B21 mục 3.2. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng phải bổ sung văn bản thôi quốc tịch nước ngoài, thực hiện

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					tiếp B31 điểm a mục 3.3 + Trường hợp phải bổ sung hoàn thiện hồ sơ, thực hiện tiếp B42 điểm b mục 3.3
B19	Nhận lại hồ sơ	Chuyên viên làm công tác giao liên phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ chuyển trả	Trực tiếp nhận lại hồ sơ từ Văn thư UBND Thành phố, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ
B20	Tiếp nhận hồ sơ chuyển trả	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ chuyển trả	Nhận lại hồ sơ, nghiên cứu ý kiến của Văn phòng UBND Thành phố tại công văn chuyển trả để tiếp tục xử lý hồ sơ, thực hiện lại việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ từ bước B2.

3.2. Trường hợp không phải bổ sung hồ sơ (đương sự được giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch)

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B21	Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ	Bộ Tư pháp	20 ngày	Hồ sơ	Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.
B22	Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ	Văn phòng Chủ tịch	30 ngày	Hồ sơ trình	- Nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	Tur pháp	nước			<p>phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</p> <p>- Sau khi có Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng Công báo.</p>
B23	Tiếp nhận, thông báo kết quả giải quyết	Bộ Tư pháp	10 ngày làm việc	Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam	<p>- Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Gửi văn bản thông báo kèm 01 bản sao Quyết định cho UBND Thành phố để theo dõi, quản lý, thống kê theo quy định.</p> <p>- Gửi văn bản thông báo kèm 04 bản sao Quyết định cho Sở Tư pháp để tổ chức Lễ trao Quyết định, đề ghi chú hoặc hướng dẫn ghi chú vào sổ hộ tịch (nếu cần).</p> <p>- Thông báo cho Bộ Công an để đăng ký cư trú, cấp giấy tờ tùy thân cho người được nhập quốc tịch Việt Nam.</p>
B24	Tiếp nhận kết quả từ Bộ Tư pháp	Văn thư Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Văn bản thông báo kèm bản sao Quyết định cho	Tiếp nhận kết quả, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
				nhập quốc tịch Việt Nam	
B25	Soạn thư mời, ghi chú vào sổ hộ tịch hoặc soạn văn bản thông báo ghi chú	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01+1/2 ngày làm việc	- Thư mời - Văn bản thông báo	- Soạn thư mời đương sự đến dự lễ trao quyết định nhập quốc tịch Việt Nam. - Ghi chú vào sổ hộ tịch trong trường hợp sổ hộ tịch lưu trữ tại Sở Tư pháp (nếu cần). - Hoặc soạn văn bản thông báo về nơi đăng ký hộ tịch trước đây để thực hiện ghi chú.
B26	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	- Thư mời - Văn bản thông báo	Xem xét hồ sơ, ký duyệt thư mời và văn bản thông báo
B27	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Thư mời, văn bản thông báo đã được ký duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển thư mời cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả, gửi thông báo cho nơi đăng ký hộ tịch trước đây.
B28	Gửi thư mời cho đương sự	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Thư mời	Liên hệ, gửi thư mời cho đương sự
B29	Tổ chức Lễ trao Quyết định	- Lãnh đạo Sở - Văn phòng	Theo	Bản sao Quyết định cho nhập	- Sở Tư pháp thực hiện các nghi thức cần thiết của buổi lễ,

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
		Sở Tư pháp - Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp. - Cá nhân được nhập quốc tịch Việt Nam và thân nhân (nếu có).	Thư mời	quốc tịch Việt Nam	đọc Quyết định của Chủ tịch nước. - Trao Quyết định cho người được nhập quốc tịch Việt Nam (03 bản sao), trao hoa chúc mừng. - Người được nhập quốc tịch Việt Nam ký tên vào Sổ thụ lý hồ sơ quốc tịch.
B30	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Chuyên viên lưu trữ Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Lưu hồ sơ theo mục V	Thống kê, theo dõi.

3.3. Trường hợp phải bổ sung hồ sơ

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng phải bổ sung văn bản thôi quốc tịch nước ngoài

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B31	Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ	Bộ Tư pháp	20 ngày	Hồ sơ	Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không được giữ quốc tịch nước ngoài: Gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp để yêu cầu người xin nhập quốc tịch Việt Nam làm thủ tục thôi quốc tịch nước ngoài. <i>* Hết thời hạn 9 tháng, nếu hồ sơ không được bổ sung</i>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<i>theo yêu cầu thì Bộ Tư pháp trả lại hồ sơ cho Sở Tư pháp (thực hiện tiếp B54 phần b mục 3.3).</i> Thời hạn 9 tháng không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ.
B32	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thông báo đề nghị đương sự bổ sung văn bản thi quốc tịch nước ngoài	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch
B33	Soạn văn bản thông báo cho đương sự	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Dự thảo văn bản	Soạn thảo văn bản đề nghị đương sự bổ sung văn bản thi quốc tịch nước ngoài
B34	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản thông báo
B35	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản đã được ký duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển thông báo cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả.
B36	Gửi thông báo cho đương sự	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Văn bản phát hành	Liên hệ, gửi thông báo cho đương sự <i>* Hết thời hạn 9 tháng, nếu hồ sơ không được bổ sung</i>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<i>theo yêu cầu thì Sở Tư pháp trả lại hồ sơ cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam (thực hiện tiếp B55 phân b mục 3.3)</i>
B37	Tiếp nhận văn bản thôi quốc tịch nước ngoài	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản thôi quốc tịch nước ngoài	Tiếp nhận hồ sơ do đương sự bổ sung theo thông báo của Sở Tư pháp, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B38	Soạn văn bản bổ sung hồ sơ	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Soạn văn bản bổ sung hồ sơ cho Bộ Tư pháp.
B39	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản gửi Bộ Tư pháp
B40	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp.
B41	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, gửi hồ sơ cho Bộ Tư pháp. - Hồ sơ đầy đủ, thực hiện tiếp B21 mục 3.2

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, phải bổ sung hoàn thiện

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B42	Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ	Bộ Tư pháp	10 ngày	Hồ sơ	Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Gửi văn bản thông báo cho UBND Thành phố và Sở Tư pháp để hướng dẫn người xin nhập quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. <i>* Hết thời hạn 9 tháng, nếu hồ sơ không được bổ sung theo yêu cầu thì Bộ Tư pháp trả lại hồ sơ cho Sở Tư pháp (thực hiện tiếp B54). Trong thời gian chờ bổ sung hồ sơ, không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ.</i>
B43	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thông báo đề nghị bổ sung hồ sơ	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp, chuyển cho công chức thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B44	Soạn văn bản thông báo cho đương sự	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	- Hồ sơ trình - Dự thảo văn bản	Soạn thảo văn bản đề nghị đương sự bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
B45	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản thông báo.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B46	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản đã được ký duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển thông báo cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.
B47	Gửi thông báo cho đương sự	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản phát hành	Liên hệ, gửi thông báo cho đương sự * <i>Hết thời hạn 9 tháng, nếu hồ sơ không được bổ sung theo yêu cầu thì Sở Tư pháp trả lại hồ sơ cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam (thực hiện tiếp B55).</i>
B48	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ bổ sung	Tiếp nhận hồ sơ do đương sự bổ sung theo thông báo của Sở Tư pháp, chuyển cho công chức thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B49	Soạn văn bản bổ sung hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Soạn văn bản bổ sung hồ sơ cho Bộ Tư pháp.
B50	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản gửi Bộ Tư pháp
B51	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1/2 ngày làm	Hồ sơ trình Dự thảo văn bản bổ	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
			việc	sung hồ sơ	
B52	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, gửi hồ sơ cho Bộ Tư pháp
B53	Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp	10 ngày	Văn bản của Sở Tư pháp (kèm hồ sơ bổ sung)	Xem xét, kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đương sự được giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch: Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định (thực hiện tiếp B22 mục 3.2) b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng đương sự không được giữ quốc tịch nước ngoài: Gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp để yêu cầu người xin nhập quốc tịch Việt Nam làm thủ tục thôi quốc tịch nước ngoài (thực hiện tiếp B32 điểm a mục 3.3) c) Trường hợp hồ sơ được bổ sung nhưng không đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					Nam hoặc hết thời hạn 9 tháng mà không bổ sung hồ sơ theo yêu cầu: Gửi văn bản thông báo cho UBND Thành phố và Sở Tư pháp về việc trả lại hồ sơ cho đương sự (thực hiện tiếp B54)
B54	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản thông báo kèm 02 bộ hồ sơ	Tiếp nhận văn bản thông báo và hồ sơ từ Bộ Tư pháp, chuyển cho công chức thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch
B55	Soạn thư mời	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Thư mời	Soạn thư mời người xin nhập quốc tịch Việt Nam đến nhận lại hồ sơ
B56	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thư mời	Xem xét hồ sơ, ký duyệt thư mời
B57	Phát hành thư mời	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thư mời đã được ký duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển thư mời cho Bộ phận Một cửa.
B58	Gửi thư mời cho đương sự	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thư mời	Liên hệ, gửi thư mời cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam
B59	Trả hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Hộ	Theo	Hồ sơ	Trao đổi, thông báo lý do và trả lại hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
		tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	thư mời		cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam
B60	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Chuyên viên lưu trữ Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Lưu hồ sơ theo mục 5	Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018
4.	BM 04	Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020
5.	BM 05	Bản khai lý lịch ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
4.	BM 04	Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam
5.	BM 05	Bản khai lý lịch
6.	//	Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước
7.	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.

- Luật Cư trú năm 2020.

- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và các mẫu giấy tờ về quốc tịch.

- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 về Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định hoặc có ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 1217/QĐ-BTP ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp./.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm, tên (1):.....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế (5):.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):/...../.....

Nơi cư trú:

.....

Thẻ thường trú số:.....do:.....

.....cấp..... ngày.....tháng.....năm....., cấp lần thứ:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

.....

.....
.....
Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn một số điều kiện quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều 19 Luật quốc tịch Việt Nam (6):

- Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam.
- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.
- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam tôi xin lấy tên gọi Việt Nam là:

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin cam đoan trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (7):

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế (5):.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

.....
Nơi cư trú:

.....
 Thẻ thường trú số:..... do:.....

....., cấp..... ngày..... tháng..... năm....., cấp lần thứ:.....

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam xin lấy tên gọi Việt Nam là:

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế (5):.....số:.....

do:....., cấp ngày..... tháng..... năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

Nơi cư trú:

Thẻ thường trú số:..... do:.....

....., cấp..... ngày..... tháng..... năm....., cấp lần thứ:.....

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam xin lấy tên gọi Việt Nam là:

Liên quan đến quốc tịch nước ngoài hiện có (8):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có): <input type="checkbox"/>	Tôi tự xét thấy mình thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch nước ngoài: <input type="checkbox"/>
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

	Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:
--	--

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

-
-
-

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

- (1) Ghi bằng chữ in hoa có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).
- (2) Ghi địa danh 03 cấp hành chính hoặc tên cơ sở y tế (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Trạm y tế xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.
- (3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu ĐKKS tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu ĐKKS tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.
- (4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm quốc tế hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người không quốc tịch thì ghi rõ “không quốc tịch”.
- (5) Ghi rõ tên, số của giấy tờ. Ví dụ: Hộ chiếu số C25789
- (6) Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với điều kiện được miễn.
- (7) Trường hợp xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.
- (8) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin nhập quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

(Dùng cho người giám hộ/đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được giám hộ/người được đại diện)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người giám hộ/người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính:.....

Nơi sinh (2):

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch hiện nay (3):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế (4):.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:

.....

Quan hệ giữa người giám hộ/người đại diện theo pháp luật và người được giám hộ/được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người được giám hộ/người được đại diện có tên sau đây được nhập quốc tịch Việt Nam.

Người xin nhập quốc tịch Việt Nam:

Họ, chữ đệm, tên (1): Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (5):

Quốc tịch hiện nay (3):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế (4):.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):/...../.....

Nơi cư trú:

.....

Thẻ thường trú số:.....do:.....

.....cấp..... ngày.....tháng.....năm....., cấp lần thứ:.....

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:.....

.....

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn một số điều kiện quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều 19 Luật quốc tịch Việt Nam (6):

- Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam.
- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.
- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam xin lấy tên gọi Việt Nam là:

Về quốc tịch hiện nay (7):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được giám hộ/người được đại diện (nếu có) <input type="checkbox"/>	Tôi tự xét thấy(8) thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch nước ngoài: <input type="checkbox"/>
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép.....(8) được nhập quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay của(8) không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà

	<p>nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
--	---

Xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn./.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

-

-

-

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

- (1) Ghi bằng chữ in hoa có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).
- (2) Ghi địa danh 03 cấp hành chính hoặc tên cơ sở y tế (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Trạm y tế xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.
- (3) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm quốc tế hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người không quốc tịch thì ghi rõ “không quốc tịch”.
- (4) Ghi rõ tên của giấy tờ. Ví dụ: Hộ chiếu.
- (5) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo 03 cấp hành chính (nếu ĐKKS tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu ĐKKS tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.
- (6) Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với điều kiện được miễn.
- (7) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin nhập quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.
- (8) Ghi họ, chữ đệm, tên của người xin nhập quốc tịch Việt Nam.

Mẫu TP/QT-2020-BKLL

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH

(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):/...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):

.....

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc:

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Người cha:

Họ, chữ đệm, tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:

.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:

.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:

.....

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:

Anh/chị/em ruột thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:

Anh/chị/em thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(1) Ghi bằng chữ in hoa có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh 03 cấp hành chính hoặc tên cơ sở y tế (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Trạm y tế xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu ĐKKS tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu ĐKKS tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm quốc tế hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a. Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(5) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh gần nhất.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY TRÌNH 3

Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước

*(Ban hành kèm Quyết định số 5940/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (BM 04)	03	Bản chính
02	Bản khai lý lịch (BM 05)	03	Bản chính
03	Hộ chiếu Việt Nam, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (là một trong các giấy tờ sau đây: Giấy khai sinh, trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ; Giấy chứng minh nhân dân; Hộ chiếu Việt Nam; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi).	03	Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
04	Người xin thôi quốc tịch Việt Nam có con chưa thành niên cùng thôi quốc tịch Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ thôi quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó thôi quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác	03	Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu

	chữ ký của người kia. Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.		
05	Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
06	Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này (Giấy tờ xác nhận việc người xin thôi quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 Luật Quốc tịch Việt Nam là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm cho người đó được nhập quốc tịch nước ngoài; trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có quốc tịch nước ngoài thì nộp bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để chứng minh người đó đang có quốc tịch nước ngoài).	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
07	Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp.	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
08	Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi việc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 5 năm thì còn	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để

	phải nộp giấy xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.		đối chiếu
09	Giấy tờ chứng minh nơi cư trú: Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 thì yêu cầu công dân nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú bao gồm: Thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Bộ phận Một cửa) hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính công ích đến Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: số 141 - 143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	50 ngày và 25 ngày làm việc	2.500.000 đồng/trường hợp

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

3.1. Từ khi tiếp nhận hồ sơ đến khi gửi hồ sơ ra Bộ Tư pháp

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I.
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	<p>Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. <p>Tiếp nhận hồ sơ qua Dịch vụ Bưu chính công ích:</p> <p>Thông tin cho cá nhân về việc tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, từ chối</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>giải quyết hồ sơ. Cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. Thời gian xác định tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ hợp pháp, hợp lệ là tại thời điểm cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu tại BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. <p>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng Hộ tịch - Quốc tịch.</p>
B2	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 - Dự thảo công văn xác minh	Xem xét, kiểm tra hồ sơ, dự thảo công văn xác minh nhân thân của người xin thôi quốc tịch Việt Nam (nếu cần); Dự thảo 02 văn bản

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
				(nếu cần) - Dự thảo 02 văn bản đăng thông báo	đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam.
B3	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 - Hồ sơ trình - Dự thảo công văn xác minh (nếu có) - Dự thảo 02 văn bản đăng thông báo	Xem xét hồ sơ, ký nháy công văn xác minh (nếu có) và ký nháy 02 văn bản đăng thông báo.
B4	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 - Hồ sơ trình - Dự thảo công văn xác minh (nếu có) - Dự thảo 02 văn bản đăng thông báo	Xem xét hồ sơ, ký duyệt công văn xác minh (nếu có) và ký duyệt 02 văn bản đăng thông báo.
B5	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản: a) Trường hợp cần xác minh: Gửi công văn xác minh cho

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>Công an Thành phố và gửi 02 văn bản đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam.</p> <p>b) Trường hợp không cần xác minh: Gửi 02 văn bản đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam.</p> <p><i>Nơi nhận 02 văn bản thông báo của Sở Tư pháp gồm:</i></p> <p>+ 01 văn bản gửi cho các cơ quan sau: Báo Pháp luật Thành phố, Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Cục Thi hành án dân sự, Cục Thuế Thành phố, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>+ 01 văn bản gửi Trang thông tin điện tử Bộ Tư pháp.</p>
B6	Tiến hành xác minh, gửi kết quả xác minh, thông báo	<ul style="list-style-type: none"> - Công an Thành phố. - Các cơ quan nhận được thông báo của Sở Tư pháp 	<ul style="list-style-type: none"> - 20 ngày (Công an Thành phố xác minh) - 60 ngày (các cơ 	<ul style="list-style-type: none"> Kết quả xác minh (nếu có) Văn bản thông báo (nếu có) 	<ul style="list-style-type: none"> - Công an Thành phố tiến hành xác minh và có văn bản trả lời cho Sở Tư pháp (nếu nhận được yêu cầu). - Các cơ quan liên quan gửi thông báo cho Sở Tư pháp nếu phát hiện thấy người

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
			quan nhận được thông báo của Sở Tư pháp)		xin thôi quốc tịch Việt Nam thuộc trường hợp chưa được thôi hoặc không được thôi quốc tịch Việt Nam.
B7	Tiếp nhận kết quả xác minh (nếu có); thông báo của các cơ quan, tổ chức (nếu có)	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản trả lời xác minh (nếu có) - Thông báo của các cơ quan, tổ chức (nếu có) 	Tiếp nhận văn bản trả lời xác minh của Công an Thành phố (nếu có); văn bản thông báo của các cơ quan, tổ chức (nếu có); chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B8	Kiểm tra hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1+1/2 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Dự thảo kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên kiểm tra hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết khi: + Trường hợp gửi công văn xác minh công an: sau khi tiếp nhận kết quả xác minh và tiếp nhận kết quả thông báo của các cơ quan, tổ chức (nếu có). + Trường hợp không cần xác minh công an: chuyên viên tiếp nhận kết quả thông báo của các cơ quan, tổ chức (nếu có). - Nếu đang sự thuộc trường hợp chưa được thôi hoặc không được thôi quốc tịch Việt Nam:

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>Lập phiếu trình báo cáo hiện trạng hồ sơ và đề nghị trả lại hồ sơ cho đương sự; dự thảo văn bản từ chối và thư mời đương sự đến nhận lại hồ sơ.</p> <p>- Nếu đương sự thuộc trường hợp được thôi quốc tịch Việt Nam: Dự thảo tờ trình UBND Thành phố và dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp.</p>
B9	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Hồ sơ trình	<p>Xem xét hồ sơ:</p> <p>+ Trường hợp trả lại hồ sơ cho đương sự: Ký duyệt phiếu trình và thư mời, ký nháy văn bản từ chối.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện thôi quốc tịch Việt Nam: Ký nháy dự thảo tờ trình UBND Thành phố (kèm dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp).</p>
B10	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Hồ sơ trình	<p>Xem xét hồ sơ:</p> <p>+ Trường hợp trả lại hồ sơ cho đương sự: Ký duyệt văn bản từ chối.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện thôi</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					quốc tịch Việt Nam: Ký duyệt tờ trình UBND Thành phố (kèm dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp)
B11	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt.	<p>Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản</p> <p>+ Trường hợp trả lại hồ sơ cho đương sự: Chuyển văn bản từ chối cho chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng Hộ tịch - Quốc tịch, chuyển thư mời cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (thực hiện tiếp bước B45 - B47 mục 3.3)</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện thôi quốc tịch Việt Nam: Chuyển Tờ trình UBND Thành phố cho chuyên viên làm công tác giao liên của phòng Hộ tịch - Quốc tịch (thực hiện tiếp B12)</p>
B12	Chuyển hồ sơ	Chuyên viên làm công tác giao liên phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ	Trực tiếp chuyển hồ sơ cho Chuyên viên Phòng HC-TC Văn phòng UBND Thành phố

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B13	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển cho chuyên viên được phân công xử lý	Chuyên viên Phòng HC-TC Văn phòng UBND Thành phố	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ	Tiếp nhận 02 bộ hồ sơ từ Sở Tư pháp, gồm: + Thành phần hồ sơ theo mục 1. + Công văn trả lời xác minh của Công an Thành phố (01 bản chính, 01 bản photo - nếu có). + Tờ trình của Sở Tư pháp (02 bản chính). + Dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp (01 bản chính, 01 bản photo). Kiểm tra thành phần hồ sơ, chuyển hồ sơ cho chuyên viên được phân công xử lý.
B14	Kiểm tra hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND Thành phố	01 ngày làm việc	Lập hồ sơ trình	Chuyên viên thụ lý hồ sơ kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng xem xét, ký tờ trình trình Lãnh đạo UBND Thành phố ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp.
B15	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên môn Văn phòng UBND Thành phố	01 ngày làm việc	Tờ trình, hồ sơ	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký tờ trình trình Lãnh đạo UBND Thành phố
B16	Xem xét, ký văn bản	Lãnh đạo Văn phòng UBND	01 ngày	Tờ trình,	Xem xét hồ sơ, tài

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	hoặc trình ký	Thành phố	làm việc	hồ sơ	liệu liên quan: + Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Ký tờ trình trình Lãnh đạo UBND Thành phố, thực hiện tiếp bước B17 + Trường hợp hồ sơ cần thẩm tra, bổ sung: Ký văn bản chuyển trả hồ sơ cho Sở Tư pháp, thực hiện tiếp điểm a bước B18
B17	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND Thành phố	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Văn bản gửi Bộ Tư pháp	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp.
B18	Phát hành	Chuyên viên Phòng HC-TC Văn phòng UBND Thành phố	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản a) Trường hợp chuyển trả hồ sơ cho Sở Tư pháp: Thông báo cho chuyên viên phòng Hộ tịch - Quốc tịch nhận lại hồ sơ và công văn chuyển trả (thực hiện tiếp B19). b) Đối với hồ sơ gửi Bộ Tư pháp: + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, thực hiện tiếp B21 mục 3.2 + Trường hợp phải bổ sung hoàn thiện

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					hồ sơ, thực hiện tiếp B29 mục 3.3
B19	Nhận lại hồ sơ	Chuyên viên làm công tác giao liên phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ chuyển trả	Trực tiếp nhận lại hồ sơ từ Văn thư UBND Thành phố, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ
B20	Tiếp nhận hồ sơ chuyển trả	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ chuyển trả	Nhận lại hồ sơ, nghiên cứu ý kiến của Văn phòng UBND Thành phố tại công văn chuyển trả để tiếp tục xử lý hồ sơ, thực hiện lại việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ từ bước B2.

3.2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B21	Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ	Bộ Tư pháp	10 ngày	Hồ sơ	Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.
B22	Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ Tư pháp	Văn phòng Chủ tịch nước	20 ngày	Hồ sơ trình	- Nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định. - Sau khi có Quyết định cho thôi quốc

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng Công báo.
B23	Tiếp nhận, thông báo kết quả giải quyết	Bộ Tư pháp	10 ngày làm việc	Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. - Gửi 03 bản sao Quyết định cho người được thôi quốc tịch Việt Nam. - Gửi văn bản thông báo kèm 01 bản sao Quyết định cho UBND Thành phố để theo dõi, quản lý, thống kê theo quy định. - Gửi văn bản thông báo kèm 01 bản sao Quyết định cho Sở Tư pháp để lưu hồ sơ, để ghi chú hoặc hướng dẫn ghi chú vào sổ hộ tịch (nếu cần). - Thông báo cho Bộ Công an để xóa đăng ký thường trú, thu hồi giấy tờ tùy thân của người được thôi quốc tịch Việt Nam.
B24	Tiếp nhận kết quả từ Bộ Tư pháp	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản thông báo kèm bản	Tiếp nhận kết quả, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
				sao Quyết định cho thôi tịch Việt Nam	Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B25	Ghi chú vào sổ hoặc soạn văn bản thông báo ghi chú	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Văn bản thông báo	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo cho Bộ phận Một cửa biết về việc Bộ Tư pháp đã gửi kết quả cho người được thôi tịch Việt Nam. - Ghi chú vào sổ hộ tịch trong trường hợp sổ hộ tịch lưu trữ tại Sở Tư pháp (thực hiện tiếp bước B28). - Hoặc soạn văn bản thông báo về nơi đăng ký hộ tịch trước đây để thực hiện ghi chú (thực hiện tiếp bước B26).
B26	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Văn bản thông báo	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản thông báo
B27	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	03 giờ làm việc	Văn bản thông báo đã được ký duyệt	Cho sổ, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, gửi thông báo cho nơi đăng ký hộ tịch trước đây.
B28	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Chuyên viên lưu trữ của Sở Tư pháp	03 giờ làm việc	Lưu hồ sơ theo mục 5	Thống kê, theo dõi.

3.3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, phải bổ sung hoàn thiện

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B29	Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ	Bộ Tư pháp	10 ngày	Hồ sơ	Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Gửi văn bản thông báo cho UBND Thành phố và Sở Tư pháp đề hướng dẫn người xin thôi quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. * <i>Hết thời hạn 9 tháng, nếu hồ sơ không được bổ sung theo yêu cầu thì Bộ Tư pháp trả lại hồ sơ cho Sở Tư pháp (thực hiện tiếp B41).</i> Trong thời gian chờ bổ sung, không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ.
B30	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thông báo đề nghị bổ sung hồ sơ	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B31	Soạn văn bản thông báo cho đương sự	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	03 giờ làm việc	- Hồ sơ trình - Dự thảo văn bản	Soạn thảo văn bản đề nghị đương sự bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
B32	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	03 giờ làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản thông báo.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
		pháp			
B33	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản đã được ký duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển thông báo cho Bộ phận Một cửa.
B34	Gửi thông báo cho đương sự	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản phát hành	Liên hệ, gửi thông báo cho đương sự * <i>Hết thời hạn 9 tháng, nếu hồ sơ không được bổ sung theo yêu cầu thì Sở Tư pháp trả lại hồ sơ cho người xin thôi quốc tịch Việt Nam (thực hiện tiếp B42).</i>
B35	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ bổ sung	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B36	Soạn văn bản bổ sung hồ sơ	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Soạn văn bản bổ sung hồ sơ cho Bộ Tư pháp.
B37	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ trình Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản gửi Bộ Tư pháp
B38	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B39	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, gửi hồ sơ cho Bộ Tư pháp
B40	Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp	10 ngày	Văn bản của Sở Tư pháp (kèm hồ sơ bổ sung)	Xem xét, kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định (thực hiện tiếp B22 mục 3.2) b) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thôi quốc tịch Việt Nam hoặc hết thời hạn 9 tháng mà không bổ sung hồ sơ theo yêu cầu: Gửi văn bản thông báo cho UBND Thành phố và Sở Tư pháp về việc trả lại hồ sơ cho đương sự (Thực hiện tiếp B41).
B41	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản thông báo kèm 02 bộ hồ sơ	Tiếp nhận văn bản thông báo và hồ sơ từ Bộ Tư pháp, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B42	Soạn thư mời	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch	1/2 ngày làm việc	Thư mời	Soạn thư mời người xin thôi quốc tịch Việt Nam đến nhận lại hồ sơ.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
		tịch Sở Tư pháp			
B43	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Thư mời	Xem xét hồ sơ, ký duyệt thư mời
B44	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thư mời đã được ký duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển thư mời cho Bộ phận Một cửa.
B45	Gửi thư mời cho đương sự	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thư mời	Liên hệ, gửi thư mời cho người xin thôi quốc tịch Việt Nam
B46	Trả hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	Theo thư mời	Hồ sơ	Trao đổi, thông báo lý do và trả lại hồ sơ cho người xin thôi quốc tịch Việt Nam
B47	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Chuyên viên lưu trữ Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Lưu hồ sơ theo mục V	Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018

3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018
4.	BM 04	Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020
5.	BM 05	Bản khai lý lịch ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
4.	BM 04	Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam
5.	BM 05	Bản khai lý lịch
6.	//	Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước
7.	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.
- Luật Cư trú năm 2020.
- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.
- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.
- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và các mẫu giấy tờ về quốc tịch.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 về Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định hoặc có ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 1217/QĐ-BTP ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp./.

Mẫu TP/QT-2020-ĐXTQT.1

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Số Hộ chiếu Việt Nam:.....do:.....
cấp ngày.....tháng.....năm.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân:.....số:.....
do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú hiện nay:
.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):/...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):
.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được thôi quốc tịch Việt Nam.

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:

.....

 Tôi cũng xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (6):

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên:.....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Số Hộ chiếu Việt Nam:.....do:.....,
 cấp ngày.....tháng.....năm.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân (nếu có):.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:

.....

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên:.....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Số Hộ chiếu Việt Nam:.....do:.....,
 cấp ngày.....tháng.....năm.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân (nếu có):.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

-

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

-

.....

-

Chú thích:

(1) Ghi rõ họ, chữ đệm, tên (bằng chữ in hoa) theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh 03 cấp hành chính hoặc tên cơ sở y tế (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Trạm y tế xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu ĐKKS tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu ĐKKS tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Quốc tịch nước ngoài (nếu có) được ghi chính xác theo tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm quốc tế hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a. Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(5) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh gần nhất.

(6) Trường hợp xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

**(Dùng cho người giám hộ/đại diện theo pháp luật làm Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam
cho người được giám hộ/người được đại diện)**

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người giám hộ/người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Quốc tịch:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế (3):.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:

.....

Quan hệ giữa người giám hộ/người đại diện theo pháp luật và người được giám hộ/người
được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn
này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người được
giám hộ/người được đại diện có tên sau đây được thôi quốc tịch Việt Nam.

Người xin thôi quốc tịch Việt Nam:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (4):

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (5):

Số Hộ chiếu Việt Nam:.....do:.....,
cấp ngày.....tháng.....năm.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân (nếu có):.....số:.....
do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (6):

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (6):.....

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

-

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

-

.....

Chú thích:

(1) Ghi bằng chữ in hoa có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

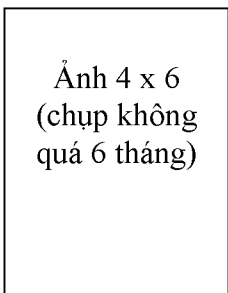
(2) Ghi địa danh 03 cấp hành chính hoặc tên cơ sở y tế (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Trạm y tế xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi rõ tên của giấy tờ. Ví dụ: Hộ chiếu.

(4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu ĐKKS tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu ĐKKS tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(5) Quốc tịch nước ngoài (nếu có) được ghi chính xác theo tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm quốc tế hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a. Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(6) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh gần nhất.



Mẫu TP/QT-2020-BKLL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH

(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm, tên (1):**Giới tính:**.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....**số:**.....

do:....., **cấp ngày**.....**tháng**.....**năm**.....

Nơi cư trú:

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):/...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):

.....

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc:

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Người cha:

Họ, chữ đệm, tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:

.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:

.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:

.....

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:

.....

Anh/chị/em ruột thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên:

Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:

.....

Anh/chi/em thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(1) Ghi bằng chữ in hoa có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh 03 cấp hành chính hoặc tên cơ sở y tế (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Trạm y tế xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu ĐKKS tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu ĐKKS tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm quốc tế hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a. Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(5) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh gần nhất.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY TRÌNH 4

Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước

*(Ban hành kèm Quyết định số 5940/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (BM 04)	03	Bản chính
02	Bản khai lý lịch (BM 05)	03	Bản chính
03	Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế.	03	Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
04	<p>Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sống cùng người đó trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận phải có đầy đủ chữ ký của cha và mẹ, chữ ký không phải chứng thực nhưng người đứng đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</p> <p>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận</p>	03	Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu

	được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.		
05	Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
06	Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam (là một trong các giấy tờ sau đây: Giấy tờ chứng minh đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam; Giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó).	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
07	Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau đây: + Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam: Trường hợp có vợ, chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con. + Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam hoặc việc trở lại quốc tịch Việt Nam là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì nộp giấy tờ tương ứng: Người có công lao đặc biệt đóng góp	03	Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu

cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành; Người mà việc trở lại quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được trở lại quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được trở lại quốc tịch Việt Nam.

+ Giấy tờ chứng minh việc thực hiện đầu tư tại Việt Nam: phải có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy tờ chứng nhận việc đầu tư đó.

+ Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam vì lý do đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận rõ về lý do không được nhập quốc tịch nước ngoài. Trong trường hợp không được nhập quốc tịch nước ngoài là do lỗi chủ quan của người đó thì phải có văn bản bảo lãnh của một trong những người là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, kèm theo đơn của người đó tự

	nguyện về cư trú tại Việt Nam.		
08	<p>Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam; + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng; + Bản cam kết của người đó về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
09	Giấy tờ chứng minh nơi cư trú: Thẻ thường trú, Thẻ tạm trú và xác nhận cư trú của Công an phường, xã, thị trấn dành cho người nước ngoài.	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Bộ phận Một cửa) hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính công ích đến Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: số 141 - 143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.	55 ngày và 30 ngày làm việc	2.500.000 đồng/trường hợp * Miễn lệ phí đối với các trường hợp sau: - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa

		<p>miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).</p> <p>- Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.</p>
--	--	---

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

3.1. Từ khi tiếp nhận hồ sơ đến khi gửi hồ sơ ra Bộ Tư pháp

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 1	Thành phần hồ sơ theo mục 1.
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	<p>Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>Tiếp nhận hồ sơ qua Dịch vụ Bưu chính công ích:</p> <p>Thông tin cho cá nhân về việc tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, từ chối giải quyết hồ sơ. Cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. Thời gian xác định tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ hợp pháp, hợp lệ là tại thời điểm cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu tại BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. <p>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý hồ sơ</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B2	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Dự thảo công văn xác minh	Xem xét, kiểm tra hồ sơ, dự thảo công văn xác minh nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam.
B3	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 - Hồ sơ trình - Dự thảo công văn xác minh	Xem xét hồ sơ, ký nháy công văn xác minh.
B4	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 - Hồ sơ trình - Dự thảo công văn xác minh	Xem xét hồ sơ, ký duyệt công văn xác minh
B5	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, gửi công văn xác minh cho Công an Thành phố.
B6	Thẩm tra, xác minh	Công an Thành phố	20 ngày	Kết quả xác minh	Tiến hành xác minh và có văn bản trả lời cho Sở Tư pháp.
B7	Tiếp nhận kết quả xác minh	Văn thư Sở Tư pháp	1/2 ngày làm	Văn bản trả lời xác minh	Tiếp nhận văn bản trả lời xác minh, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
			việc		phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B8	Kiểm tra hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1+1/2 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Dự thảo kết quả	Tiếp nhận kết quả xác minh, dự thảo tờ trình UBND Thành phố và dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp.
B9	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký nháy dự thảo tờ trình UBND Thành phố (kèm dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp).
B10	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt tờ trình UBND Thành phố (kèm dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp).
B11	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển cho chuyên viên làm công tác giao liên của phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B12	Chuyển hồ sơ	Chuyên viên làm công tác giao liên phòng Hộ tịch - Quốc tịch	02 giờ làm việc	Hồ sơ	Trực tiếp chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng HC-TC Văn phòng UBND Thành phố

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B13	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển cho chuyên viên được phân công xử lý	Chuyên viên Phòng HC-TC Văn phòng UBND Thành phố	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ	<p>Tiếp nhận 02 bộ hồ sơ từ Sở Tư pháp, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thành phần hồ sơ theo mục 1. + Công văn trả lời xác minh của Công an Thành phố (01 bản chính, 01 bản photo). + Tờ trình của Sở Tư pháp (02 bản chính). + Dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp (01 bản chính, 01 bản photo). <p>Kiểm tra thành phần hồ sơ, chuyển hồ sơ cho chuyên viên được phân công xử lý.</p>
B14	Kiểm tra hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND Thành phố	01 ngày làm việc	Lập hồ sơ trình	Chuyên viên thụ lý hồ sơ kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng xem xét, ký tờ trình trình Lãnh đạo UBND Thành phố ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp.
B15	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên môn Văn phòng UBND Thành phố	01 ngày làm việc	Tờ trình, hồ sơ	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký tờ trình trình Lãnh đạo UBND Thành phố
B16	Xem xét, ký văn bản hoặc trình	Lãnh đạo Văn phòng UBND	01 ngày làm	Tờ trình, hồ sơ	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan:

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	ký	Thành phố	việc		+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Ký tờ trình trình Lãnh đạo UBND Thành phố, thực hiện tiếp bước B17 + Trường hợp hồ sơ cần thẩm tra, bổ sung: Ký văn bản chuyển trả hồ sơ cho Sở Tư pháp, thực hiện tiếp điểm a bước B18
B17	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND Thành phố	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Văn bản gửi Bộ Tư pháp	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp.
B18	Phát hành	Chuyên viên Phòng HC-TC Văn phòng UBND Thành phố	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản a) Trường hợp chuyển trả hồ sơ cho Sở Tư pháp: Thông báo cho chuyên viên phòng Hộ tịch - Quốc tịch nhận lại hồ sơ và công văn chuyển trả (thực hiện tiếp B19). b) Đối với hồ sơ gửi Bộ Tư pháp: + Trường hợp không phải bổ sung hồ sơ, thực hiện tiếp B21 mục 3.2 + Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng phải

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					bổ sung văn bản thôi quốc tịch nước ngoài, thực hiện tiếp B29 điểm a mục 3.3 + Trường hợp phải bổ sung hoàn thiện hồ sơ, thực hiện tiếp B40 điểm b mục 3.3
B19	Nhận lại hồ sơ	Chuyên viên làm công tác giao liên phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ chuyển trả	Trực tiếp nhận lại hồ sơ từ Văn thư UBND Thành phố, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ
B20	Tiếp nhận hồ sơ chuyển trả	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ chuyển trả	Nhận lại hồ sơ, nghiên cứu ý kiến của Văn phòng UBND Thành phố tại công văn chuyển trả để tiếp tục xử lý hồ sơ, thực hiện lại việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ từ bước B2.

3.2. Trường hợp không phải bổ sung hồ sơ (đương sự được giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch)

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B21	Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ	Bộ Tư pháp	15 ngày	Hồ sơ	Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B22	Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ Tư pháp	Văn phòng Chủ tịch nước	20 ngày	Hồ sơ trình	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định. - Sau khi có Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng Công báo.
B23	Tiếp nhận, thông báo kết quả giải quyết	Bộ Tư pháp	10 ngày làm việc	Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. - Gửi 03 bản sao Quyết định cho người được trở lại quốc tịch Việt Nam. - Gửi văn bản thông báo kèm 01 bản sao Quyết định cho UBND Thành phố để theo dõi, quản lý, thống kê theo quy định. - Gửi văn bản thông báo kèm 01 bản sao Quyết định cho Sở Tư pháp để lưu hồ sơ, để ghi chú hoặc hướng dẫn ghi chú vào sổ hộ tịch (nếu cần). - Thông báo cho Bộ Công an để đăng ký cư trú, cấp giấy tờ tùy thân cho người được trở lại quốc tịch.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					tịch Việt Nam.
B24	Tiếp nhận kết quả từ Bộ Tư pháp	Văn thư Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Văn bản thông báo kèm bản sao Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam	Tiếp nhận kết quả, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B25	Ghi chú vào sổ hộ tịch hoặc soạn văn bản thông báo ghi chú	Chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 ngày làm việc	Văn bản thông báo	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả biết về việc Bộ Tư pháp đã gửi kết quả cho người được trở lại quốc tịch Việt Nam. - Ghi chú vào sổ hộ tịch trong trường hợp sổ hộ tịch lưu trữ tại Sở Tư pháp (thực hiện tiếp bước B28). - Hoặc soạn văn bản thông báo về nơi đăng ký hộ tịch trước đây để thực hiện ghi chú (thực hiện tiếp bước B26).
B26	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1+1/2 ngày làm việc	Văn bản thông báo	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản thông báo
B27	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Văn bản thông báo đã được ký duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, gửi thông báo cho nơi đăng ký

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					hộ tịch trước đây.
B28	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Chuyên viên lưu trữ của Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Lưu hồ sơ theo mục 5	Thống kê, theo dõi.

3.3. Trường hợp phải bổ sung hồ sơ

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng phải bổ sung văn bản thôi quốc tịch nước ngoài

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B29	Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ	Bộ Tư pháp	20 ngày	Hồ sơ	Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không được giữ quốc tịch nước ngoài: Gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp để yêu cầu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam làm thủ tục thôi quốc tịch nước ngoài. * <i>Hết thời hạn 9 tháng, nếu hồ sơ không được bổ sung theo yêu cầu thì Bộ Tư pháp trả lại hồ sơ cho Sở Tư pháp (thực hiện tiếp B52 phần b mục 3.3). Trong thời gian chờ bổ sung hồ sơ, không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ.</i>
B30	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thông báo đề nghị đương sự bổ sung	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
				văn bản thôi quốc tịch nước ngoài	Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B31	Soạn văn bản thông báo cho đương sự	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Dự thảo văn bản	Soạn thảo văn bản đề nghị đương sự bổ sung văn bản thôi quốc tịch nước ngoài
B32	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản thông báo.
B33	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản đã được ký duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển thông báo cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.
B34	Gửi thông báo cho đương sự	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Văn bản phát hành	Liên hệ, gửi thông báo cho đương sự <i>* Hết thời hạn 9 tháng, nếu hồ sơ không được bổ sung theo yêu cầu thì Sở Tư pháp trả lại hồ sơ cho người xin trở lại quốc tịch Việt Nam (thực hiện tiếp B53 phần b mục 3.3).</i>
B35	Tiếp nhận văn bản thôi quốc tịch nước ngoài	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản thôi quốc tịch nước ngoài	Tiếp nhận hồ sơ do đương sự bổ sung theo thông báo của Sở Tư pháp, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch -

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					Quốc tịch.
B36	Soạn văn bản bổ sung hồ sơ	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Soạn văn bản bổ sung hồ sơ cho Bộ Tư pháp.
B37	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản gửi Bộ Tư pháp
B38	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp
B39	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, gửi hồ sơ cho Bộ Tư pháp. - Hồ sơ đầy đủ, thực hiện tiếp B21 mục 3.2

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, phải bổ sung hoàn thiện

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B40	Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ	Bộ Tư pháp	10 ngày	Hồ sơ	Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Gửi văn bản thông báo cho UBND Thành phố và Sở Tư pháp đề hướng dẫn người xin trở lại quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. * Hết thời hạn 9

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<i>tháng, nếu hồ sơ không được bổ sung theo yêu cầu thì Bộ Tư pháp trả lại hồ sơ cho Sở Tư pháp (thực hiện tiếp B52). Thời gian chờ bổ sung, không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ.</i>
B41	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thông báo đề nghị bổ sung hồ sơ	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B42	Soạn văn bản thông báo cho đương sự	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	- Hồ sơ trình - Dự thảo văn bản	Soạn thảo văn bản đề nghị đương sự bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
B43	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản thông báo
B44	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản đã được ký duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển thông báo cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.
B45	Gửi thông báo cho đương sự	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản phát hành	Liên hệ, gửi thông báo cho đương sự <i>* Hết thời hạn 9 tháng, nếu hồ sơ không được bổ sung</i>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<i>theo yêu cầu thì Sở Tư pháp trả lại hồ sơ cho người xin trở lại quốc tịch Việt Nam (thực hiện tiếp B53).</i>
B46	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ bổ sung	Tiếp nhận hồ sơ do đương sự bổ sung theo thông báo của Sở Tư pháp, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B47	Soạn văn bản bổ sung hồ sơ	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Soạn văn bản bổ sung hồ sơ cho Bộ Tư pháp.
B48	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản gửi Bộ Tư pháp
B49	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp
B50	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, gửi hồ sơ cho Bộ Tư pháp
B51	Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp	10 ngày	Văn bản của Sở Tư pháp (kèm hồ sơ bổ sung)	Xem xét, kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đương sự được giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>người không quốc tịch: Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định (thực hiện tiếp B22 mục 3.2)</p> <p>b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng đương sự không được giữ quốc tịch nước ngoài: Gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp để yêu cầu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam làm thủ tục thôi quốc tịch nước ngoài (thực hiện tiếp B30 điểm a mục 3.3)</p> <p>c) Trường hợp hồ sơ được bổ sung nhưng không đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam hoặc hết thời hạn 9 tháng mà không bổ sung hồ sơ theo yêu cầu: Gửi văn bản thông báo cho UBND Thành phố và Sở Tư pháp về việc trả lại hồ sơ cho đương sự (thực hiện tiếp B52)</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B52	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản thông báo kèm 02 bộ hồ sơ	Tiếp nhận văn bản thông báo và hồ sơ từ Bộ Tư pháp, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B53	Soạn thư mời	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Thư mời	Soạn thư mời người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đến nhận lại hồ sơ.
B54	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thư mời	Xem xét hồ sơ, ký duyệt thư mời
B55	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thư mời đã được ký duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản chuyển thư mời cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.
B56	Gửi thư mời cho đương sự	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thư mời	Liên hệ, gửi thư mời cho người xin trở lại quốc tịch Việt Nam
B57	Trả hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	Theo thư mời	Hồ sơ	Trao đổi, thông báo lý do và trả lại hồ sơ cho người xin trở lại quốc tịch Việt Nam
B58	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Chuyên viên lưu trữ của Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Lưu hồ sơ theo mục V	Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018
4.	BM 04	Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020
5.	BM 05	Bản khai lý lịch ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
4.	BM 04	Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam
5.	BM 05	Bản khai lý lịch
6.	//	Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước
7.	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.
- Luật Cư trú năm 2020.
- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.
- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và các mẫu giấy tờ về quốc tịch.

- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 về Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định hoặc có ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 1217/QĐ-BTP ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp./.

Ảnh 4 x 6
(chụp chưa
quá 6 tháng)

Mẫu TP/QT-2020- ĐXTLQT.1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế (5):.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú hiện nay:

.....

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh (nếu có):

.....

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (6)..... (theo

Quyết định số:.....ngày.....tháng..... năm.....

của.....).

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:.....

.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là:

.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin cam đoan trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (7):

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế (5):.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

.....

Nơi cư trú:

.....

Nếu được trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam xin lấy tên gọi Việt Nam là (8):

.....

Con thứ hai :

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế (5):.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

Nơi cư trú:

Nếu được trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam xin lấy tên gọi Việt Nam là (8):

Liên quan đến quốc tịch nước ngoài hiện có (9):

<p>Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có) <input type="checkbox"/></p>	<p>Tôi tự xét thấy mình thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch nước ngoài: <input type="checkbox"/></p>
	<p>Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:</p>

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn.

Giấy tờ kèm theo:

-

.....

-

.....

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

- (1) Ghi bằng chữ in hoa (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).
- (2) Ghi địa danh 03 cấp hành chính hoặc tên cơ sở y tế (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Trạm y tế xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.
- (3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu ĐKKKS tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu ĐKKKS tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.
- (4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm quốc tế hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với trường hợp đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì ghi rõ “đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài”.
- (5) Ghi rõ tên của giấy tờ. Ví dụ: Hộ chiếu.
- (6) Nêu rõ lý do mất quốc tịch Việt Nam. Ví dụ: đã thôi quốc tịch Việt Nam.
- (7) Trường hợp xin trở lại/nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.
- (8) Trường hợp được trở lại quốc tịch Việt Nam thì lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây; trường hợp được nhập quốc tịch Việt Nam thì lựa chọn tên gọi Việt Nam.
- (9) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

Mẫu TP/QT-2020-ĐXTLQT.2

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

(Dùng cho người giám hộ/đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được giám hộ/người được đại diện)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người giám hộ/đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Quốc tịch hiện nay (3):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế (4):.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú hiện nay:

Quan hệ giữa người giám hộ/người đại diện theo pháp luật và người được giám hộ/người được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người được giám hộ/người được đại diện có tên sau đây được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (5):

Quốc tịch hiện nay (3):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế (4):.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú hiện nay:

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (6):/...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (6):

.....

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (7)..... (theo Quyết định số:.....ngry.....tháng..... năm.....

của.....)

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:.....

.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là:

.....

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (8):

Xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được giám hộ (nếu có) <input type="checkbox"/>	Tự xét thấy việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam của(9) thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch nước ngoài: <input type="checkbox"/>
	Tôi đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép.....(9) được trở lại quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Tôi cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay của(9) không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn./.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

-

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

-

.....

-

.....

Chú thích:

(1) Ghi bằng chữ in hoa có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh 03 cấp hành chính hoặc tên cơ sở y tế (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Trạm y tế xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm quốc tế hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì ghi rõ “đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài”.

(4) Ghi rõ tên của giấy tờ. Ví dụ: Hộ chiếu C25789

(5) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu ĐKKK tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu ĐKKK tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(6) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh gần nhất.

(7) Nêu rõ lý do mất quốc tịch Việt Nam. Ví dụ: đã thôi quốc tịch Việt Nam.

(8) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

(9) Ghi họ, chữ đệm, tên của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH

(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm, tên (1):**Giới tính:**.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....**số:**.....

do:....., **cấp ngày:**.....**tháng:**.....**năm:**.....

Nơi cư trú:

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (5):/...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):

.....

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc:

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Người cha:

Họ, chữ đệm, tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:

.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:
.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:
.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên:.....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:
.....

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên:.....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:
.....

Anh/chị/em ruột thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú:
.....

Anh/chị/em thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....
Ngày, tháng, năm sinh:.....
Quốc tịch:.....
Địa chỉ cư trú:
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

- (1) Ghi bằng chữ in hoa có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).
- (2) Ghi địa danh 03 cấp hành chính hoặc tên cơ sở y tế (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Trạm y tế xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.
- (3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu ĐKKK tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu ĐKKK tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.
- (4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm quốc tế hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a. Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.
- (5) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh gần nhất.

(Xem tiếp Công báo số 67 + 68)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng